

IMPROVING THE EFFICIENCY OF STATE MANAGEMENT FOR SPECIAL NATIONAL RELICS IN THANH HOA

Nguyen Thi Thanh Nga

Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism

Email: nguyenthithanhnga@dvttdt.edu.vn

Received: 06/01/2022

Reviewed: 20/9/2022

Revised: 13/10/2022

Accepted: 25/10/2022

Released: 30/10/2022

Special national relics are invaluable resources of each nation. Because they not only contain cultural beauty but also are important factors promoting the sustainable development process in each locality. Currently, Thanh Hoa is honored to manage many special national relics. For years, the management of cultural heritage in general and special national relics in particular has always been concerned by authorities and relevant organs, creating positive effects in social life, contributing to the conservation and development of cultural heritages and promoting the value of relics to meet the people's need of enjoying cultural and religious values. Besides the efficiency in management, there are still challenges and difficulties when those relics are facing the strong process of industrialization and integration. It is necessary to continue to improve the role of state management in the protection of relics. This is not only an important task but also the responsibility for the national cultural heritages.

Key words: Special national relic; Relic management; Thanh Hoa

1. Giới thiệu

Là vùng đất địa linh nhân kiệt, Thanh Hóa là nơi phát tích của nhiều đời vua chúa và có nhiều danh tướng lẫy lừng trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Chính điều đó đã tạo nên ở vùng đất này những di tích lịch sử văn hóa có tầm vóc, qui mô lớn, có vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của cư dân xứ Thanh. Có thể kể đến các khu di tích quốc gia đặc biệt tiêu biểu như: Di tích lịch sử và kiến trúc - nghệ thuật Lam Kinh, Di tích lịch sử và kiến trúc - nghệ thuật Khu di tích Bà Triệu, Di tích kiến trúc - nghệ thuật Đền thờ Lê Hoàn...

Trong những năm qua, công tác quản lý di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa nói chung, hoạt động quản lý các di tích quốc gia đặc biệt nói riêng cũng đã nhận được sự quan tâm của các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở. Nhiều hạng mục công trình đã được bảo

tôn, tu bổ, phục hồi quy mô lớn (như: hệ thống các tòa Thái Miếu ở Lam Kinh, Chính điện Lam Kinh, đền thờ và lăng mộ Bà Triệu...); cảnh quan di tích được tôn tạo; các giá trị văn hóa phi vật thể gắn với di tích được phục hồi, thực hành rộng rãi... Tất cả những điều đó đã làm cho giá trị di tích được phát huy hiệu quả trong đời sống xã hội, góp phần quan trọng trong nâng cao vị thế và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thanh Hóa là tỉnh có dân số đông, thời tiết khắc nghiệt, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập diễn ra mạnh mẽ đang kéo theo sự xuống cấp nhanh chóng của các di tích; thực tiễn quản lý di tích quốc gia đặt biệt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa bộc lộ một số thiếu sót. Công tác quy hoạch di tích triển khai còn chậm; đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích còn thiếu tập trung, đồng bộ; hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật về di sản tại địa phương nơi di tích tọa lạc để nhân dân nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của hoạt động quản lý di tích chưa được quan tâm thỏa đáng... Có thể nói, công tác quản lý nhà nước đứng trước những thách thức không nhỏ trong việc tìm ra giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hệ thống di tích này.

2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Quản lý di sản văn hóa (DSVH) nói chung, quản lý di tích nói riêng là vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm tìm hiểu. Do vậy, đã có không ít các bài viết, công trình nghiên cứu trên cả hai phương diện lý luận cũng như các hoạt động thực tiễn tại các địa phương. Các công trình cũng đã tổng kết từ thực tiễn quản lý những nguy cơ đe dọa đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản, phân tích nguyên nhân, đưa ra dự báo khuynh hướng phát triển và đề ra những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý DSVH trong thời gian tới. Các nghiên cứu đó là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích trong quá trình thực hiện bài viết về cách thức tiếp cận cũng như cái nhìn vừa có tính tổng thể, vừa có tính đối sánh khi nghiên cứu thực tế tại các di tích quốc gia đặc biệt ở Thanh Hóa hiện nay.

Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về DSVH nói chung và di tích nói riêng, trong đó có các công trình đề cập đến các di tích quốc gia đặc biệt dưới nhiều khía cạnh khác nhau. Một số công trình tiêu biểu có thể kể đến:

Trong các tập sách “*Di tích và danh thắng Thanh Hoá*” [1], Thanh Hóa được nhìn nhận là một vùng đất “non nước hữu tình”. Các tác giả đã mô tả những thắng tích tiêu biểu của xứ Thanh như: chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh, danh thắng núi Nhồi, Thành Tây Đô, Hàm Rồng kỳ tú - Hàm Rồng anh hùng, Đền Đồng Cổ... trong đó có lăng, đền thờ Bà Triệu và Lam Sơn địa linh nhân kiệt.

Tác giả Nguyễn Văn Hào, Lê Thị Vinh trong cuốn “*Di sản văn hóa xứ Thanh*” [6] đã giới thiệu về hệ thống các công trình di tích và danh thắng tiêu biểu của tỉnh Thanh Hóa, trong đó có đề cập đến khu di tích lịch sử đền Bà Triệu và khu di tích Lam Kinh. Dù là một cuốn sách có dung lượng không dày dặn song đây là công trình giúp người đọc hình dung được bức tranh chung nhất về các di sản văn hóa xứ Thanh.

Năm 2006, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thanh Hóa cho phép Trường Cao đẳng Văn hoá - Nghệ thuật Thanh Hoá triển khai đề tài “*Nghiên cứu Di sản văn hoá truyền thống Thanh Hóa loại hình kiến trúc và điêu khắc*” [14]. Đề tài đi sâu khai thác, phân loại, đánh giá giá trị

của loại hình di tích kiến trúc và điêu khắc trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trong đó có đề cập đến một số di tích trong khu di tích Bà Triệu (đền Bà Triệu, đình Phú Điền). Đề tài đã đưa ra một số giải pháp trong việc bảo tồn, phát huy giá trị của các di tích. Cùng hướng đề tài này, tác giả Lê Văn Tạo đã xuất bản sách *“Một số đặc trưng của nghệ thuật chạm khắc đá truyền thống ở Thanh Hóa”* [9]. Tác giả đã đi sâu nghiên cứu về cơ sở hình thành cũng như chất liệu đá và một số công trình chạm khắc đá truyền thống ở Thanh Hóa.

Tác giả Lê Văn Tạo với cuốn sách *“Di sản văn hóa, nguồn lực đặc biệt cho phát triển du lịch Thanh Hóa”* [10] đã nhận thấy: một trong những chất gây men kích thích du khách khám phá, tìm hiểu là sự khác lạ về văn hóa và sự thiêng liêng trong tín ngưỡng, tôn giáo tại các điểm du lịch. Đây là thế mạnh Thanh Hóa có được ở tất cả các điểm du lịch tiềm năng như: Sầm Sơn, Hàm Rồng, Lam Kinh, Thành Nhà Hồ, Suối cá Cẩm Lương, Cửa Thần Phú - Động Từ Thức, Pù Hu - Pù Luông... Các điểm du lịch này đều có xuất xứ từ các mạch nguồn văn hóa tâm linh độc đáo. Các di sản văn hóa thường đóng vai trò là điểm nhấn trong các không gian du lịch, do vậy việc đầu tư cho văn hóa phải đồng nghĩa với đầu tư trong du lịch và ngược lại. Làm thế nào để di sản văn hóa không biến dạng?, làm sao cho di sản văn hóa bước vào dòng chảy của thị trường du lịch như một yếu tố mang tính sản phẩm du lịch mà vẫn có thể bảo tồn giá trị? Với góc nhìn như trên, cuốn sách là nguồn cung cấp thông tin, là những gợi ý về mối quan hệ giữa việc khai thác di sản văn hóa trong du lịch và việc bảo tồn di sản văn hóa trong bối cảnh mới.

Năm 2015, Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa xuất bản sách *“Di sản văn hóa xứ Thanh trên đường hội nhập và phát triển”* [13]. Cuốn sách có một số bài viết về các vấn đề như: Bảo tồn, phát huy giá trị DSVH ở xứ Thanh - diện mạo và thách thức; Vấn đề bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa biển đảo; Các di tích và danh thắng cụ thể như: hồ Cửa Đạt, hang Con Moong, Thành Nhà Hồ, khu di tích Lam Kinh, làng nghề đá An Hoạch, lễ hội chợ Chuông...

Năm 2019, Ban Tuyên giáo tỉnh Thanh Hóa biên soạn sách *“Di sản văn hóa tỉnh Thanh Hóa”*. Cuốn sách đã giới thiệu tổng quan về hệ thống DSVH tỉnh Thanh Hóa, trên cơ sở đó lựa chọn những di tích tiêu biểu phân loại theo thứ tự xếp hạng để mô tả. Trong những DSVH thế giới và di tích quốc gia đặc biệt, khu di tích Lam Kinh được trình bày từ trang 37 đến trang 46, khu di tích đền Bà Triệu được mô tả từ trang 47 đến trang 50. Với mục đích giới thiệu chung hệ thống các DSVH nên phần trình bày các di tích tương đối khái lược. Tiếp đó, các tác giả giới thiệu chung về thực trạng công tác bảo tồn và phát huy giá trị DSVH tỉnh Thanh Hóa. Cuốn sách đã đóng góp thêm một cơ sở cho việc lưu giữ, quảng bá các giá trị tốt đẹp của hệ thống DSVH xứ Thanh.

Phần lớn các công trình đi trước phân tích, đánh giá giá trị của di tích dưới nhiều khía cạnh khác nhau. Vấn đề quản lý nhà nước về di tích cũng được các học giả đề cập, song mới dừng lại ở việc đề xuất, kiến nghị và đưa ra một số giải pháp rút ra từ thực tiễn nghiên cứu giá trị di tích. Chưa đi sâu phân tích, đánh giá một cách toàn diện vấn đề quản lý di tích quốc gia đặc biệt ở Thanh Hóa. Đây chính là khoảng trống bài viết mong muốn thực hiện.

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Để đi sâu phân tích thực trạng công tác quản lý nhà nước đối với các di tích quốc gia đặc biệt, đồng thời đề xuất được giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý di tích, những phương pháp

đã được sử dụng trong bài viết: *Lịch sử - logic* (phương pháp này cho phép đi sâu tìm hiểu quá trình quản lý các di tích quốc gia đặc biệt ở Thanh Hóa qua các giai đoạn cụ thể); *Điền dã dân tộc học* (tiếp xúc và lấy ý kiến trực tiếp từ phía người dân; cán bộ quản lý văn hóa các địa phương để tăng tính khách quan; là cơ sở cho việc phân tích, đánh giá, nhận định các vấn đề khoa học); *xã hội học* (phát phiếu bảng hỏi cho các đối tượng điều tra); *quan sát, tham dự trực tiếp các lễ hội, các hoạt động văn hóa diễn ra tại di tích; xin ý kiến các chuyên gia về DSVH.*

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Khái lược về các di tích quốc gia đặc biệt

Xứ Thanh luôn được nhắc đến là một vùng đất rộng lớn nằm cuối Bắc Bộ và điểm đầu Trung Bộ, làm nên một vùng chuyển tiếp với cảnh quan thiên nhiên đa dạng, địa hình là sự hội tụ đầy đủ ba vùng: đồi núi - đồng bằng - duyên hải. Bên cạnh đó, sự xuất hiện sớm của con người từ thời đại đá cũ, đá mới, kim khí và phát triển liên tục đến ngày nay đã để lại cho xứ Thanh một kho tàng DSVH không chỉ có giá trị đặc trưng mà còn đa dạng về loại hình, liên tục về thời gian. Theo số liệu thống kê của Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa, Thanh Hóa hiện có 853/1.535 di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng: (01 DSVH thế giới Thành Nhà Hồ; 06 di tích quốc gia đặc biệt (Di tích lịch sử và kiến trúc - nghệ thuật Thành Nhà Hồ; Di tích lịch sử và kiến trúc - nghệ thuật Lam Kinh; Di tích lịch sử và kiến trúc - nghệ thuật Khu di tích Bà Triệu; Di tích khảo cổ Hang Con Moong; Di tích kiến trúc - nghệ thuật Đền thờ Lê Hoàn; Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Sầm Sơn); 139 di tích quốc gia; 707 di tích cấp tỉnh. Trong đó, các di tích được xếp hạng quốc gia đặc biệt đều là những công trình kiến trúc nghệ thuật đặc sắc, có giá trị lịch sử - văn hóa, nhiều di tích gắn liền với cảnh quan tự nhiên hấp dẫn.

Di tích lịch sử và kiến trúc - nghệ thuật Thành Nhà Hồ được coi là tòa thành đá duy nhất còn lại ở Đông Nam Á và là một trong rất ít còn lại trên thế giới. Ngày 27/6/2011, tại Paris (Pháp), trong kỳ họp lần thứ 35 của Ủy ban Di sản Thế giới, UNESCO đã công nhận Thành Nhà Hồ là di sản văn hóa thế giới.

Di tích quốc gia đặc biệt Hang Con Moong cùng với động Người Xưa, hang Đấng, mái đá Mộc Long và hang Lai tạo thành một quần thể di tích cho thấy một cộng đồng dân cư cư trú trong một thung lũng rộng lớn, có sự thay đổi về dân số, vị trí cư trú, phương thức sản xuất và cộng đồng này góp phần tạo nên văn hóa Đa Bút. Qua các lần khai quật đã phát hiện một số ngôi mộ có di cốt người. Di tích Hang Con Moong gắn với một số di tích hang động ở Vườn quốc gia Cúc Phương cho thấy khoảng sau 7000 năm TCN, cư dân nơi đây đã làm một cuộc di cư vĩ đại, vươn ra chiếm lĩnh đồng bằng châu thổ huyện Vĩnh Lộc (Thanh Hóa) và Nho Quan - Tam Điệp (Ninh Bình) tạo dựng nên bộ mặt văn hóa mới - văn hóa Đa Bút - văn hóa Trung kỳ Đá mới Việt Nam. Có thể xem đây là công cuộc di cư khai phá châu thổ sông Hồng và sông Mã đầu tiên trong lịch sử.

Di tích Lam Kinh được khởi dựng từ những năm đầu thế kỷ XV, được xem như là một Tây Kinh, song hành cùng Đông Kinh - trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của đất nước dưới thời Lê, bao gồm nhiều hạng mục công trình kiến trúc phục vụ chức năng tín ngưỡng, tri

ân tổ tiên nhà Lê, là nơi an nghỉ của các vua và hoàng hậu nhà Hậu Lê, với hệ thống cảnh quan tạo ra sự hài hòa trong một không gian kiến trúc gắn bó mật thiết với thiên nhiên. Khu di tích Bà Triệu được xây dựng để tưởng nhớ nữ tướng Triệu Thị Trinh (Bà Triệu), người đã có công đánh đuổi quân xâm lược Đông Ngô (Trung Quốc) vào giữa thế kỷ III.

Đền Lê Hoàn ở ngôi làng hàng trăm năm tuổi, nơi đã sinh ra vị khai quốc của triều Tiền Lê hiển hách trong lịch sử dân tộc - Lê Đại Hành Hoàng đế. Hiện nay đây vẫn còn một ngôi đền thờ Vua nằm ở cuối làng được mệnh danh là một trong những ngôi đền cổ bậc nhất xứ Thanh và được công nhận là Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt.

Khu di tích danh thắng Sầm Sơn vừa được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng Di tích Quốc gia đặc biệt là địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị về lịch sử - văn hóa; là khu vực thiên nhiên rất đa dạng về sinh học, gồm: núi Trường Lệ, đền Độc Cước, hòn Trống Mái, đền Tô Hiến Thành, đền Cô Tiên... Không chỉ sở hữu bãi tắm đẹp, Sầm Sơn còn lưu giữ được nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể có giá trị.

4.2. Vấn đề phân cấp quản lý di tích quốc gia đặc biệt

Đối với các di tích quốc gia đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ là người quyết định xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt, cấp bằng xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt. Đối với bộ máy các cơ quan tham gia quản lý di tích quốc gia đặc biệt ở từng địa phương, văn bản số: 2946/BVHTTDL-DSVH của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành ngày 27/8/2014 đã chỉ rõ: Đối với UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Thống nhất đầu mỗi đơn vị quản lý nhà nước về di tích thuộc Phòng Di sản Văn hóa của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND cấp tỉnh, thành phố cần phân cấp rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý di tích theo từng lĩnh vực công việc cụ thể, không phân cấp quản lý toàn diện cho UBND cấp huyện, cấp xã; quy định rõ nhiệm vụ của tổ chức được giao quản lý, bảo vệ và chăm sóc trực tiếp di tích tách bạch với nhiệm vụ quản lý nhà nước của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Phòng Văn hóa - Thông tin. Ban Quản lý di tích trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, chịu trách nhiệm quản lý những di tích quan trọng (do UBND tỉnh, thành phố xác định) và hướng dẫn nghiệp vụ về các hoạt động tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị toàn bộ di tích trên địa bàn tỉnh khi nhận được đề nghị. Đặc biệt, đối với các di tích quốc gia đặc biệt, công văn cũng nêu rõ cần căn cứ điều kiện từng địa phương, phạm vi và quy mô di tích, Ban Quản lý di tích cần trực thuộc UBND cấp tỉnh hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc UBND cấp huyện. Trường hợp di tích quốc gia đặc biệt là di tích tôn giáo tín ngưỡng do cộng đồng địa phương có di tích quản lý thì chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND cấp huyện cử cán bộ tham gia Ban Quản lý di tích.

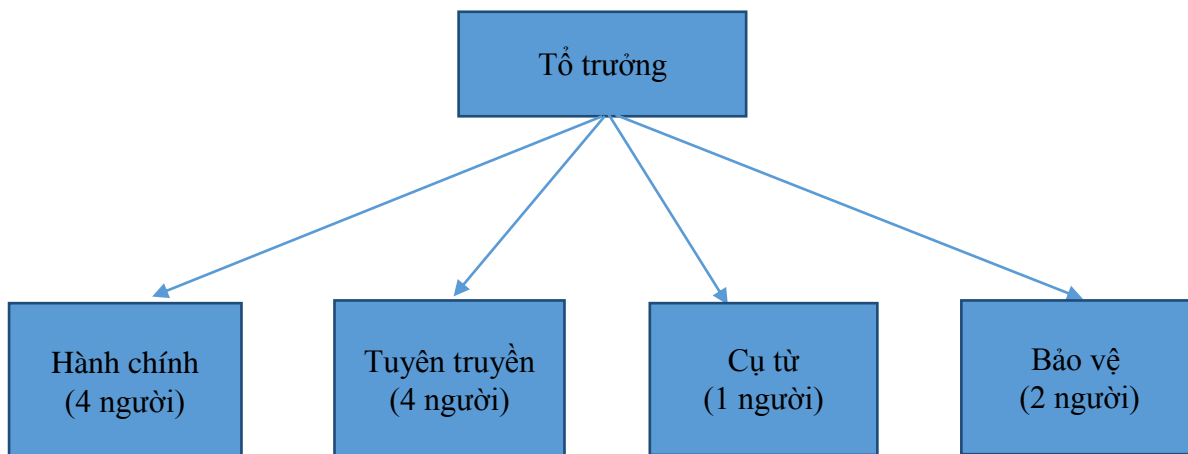
Hiện nay, các di tích quốc gia đặc biệt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đều được quản lý trực tiếp bởi một đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thanh Hóa hoặc một đơn vị thuộc chính quyền địa phương cấp huyện, thậm chí có di tích được quản lý đồng thời bởi cả hai cơ quan nêu trên. Cụ thể: Di tích khảo cổ Hang Con Moong và các di tích phụ cận do Ban Quản lý di tích Chiến khu Ngọc Trạo, thuộc Trung tâm Văn hóa huyện Thạch Thành quản lý; Di tích kiến trúc - nghệ thuật Đền thờ Lê Hoàn được quản lý bởi Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Thọ Xuân; Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Sầm Sơn do Trung tâm Văn hóa

Thành phố Sầm Sơn quản lý; Di tích lịch sử và kiến trúc - nghệ thuật Thành Nhà Hồ do Trung tâm Bảo tồn Di sản Thành Nhà Hồ, trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thanh Hóa quản lý...

Đối với Khu di tích Bà Triệu, từ năm 2014 đến tháng 3/2017, thuộc trách nhiệm quản lý của UBND huyện Hậu Lộc. Quản lý trực tiếp tại di tích có Tổ Quản lý di tích đền Bà Triệu thuộc Phòng Văn hóa - Thông tin huyện, cơ bản vẫn hoạt động theo nguồn nhân lực đã có trước đó. Từ năm 2017 đến nay, quyền quản lý khu di tích được giao về cho Trung tâm Bảo tồn Di sản văn hóa Thanh Hóa và Trung tâm trực tiếp điều hành theo quyết định số 941/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa. Công tác bàn giao đảm bảo nguyên trạng, bao gồm: toàn bộ tài chính, tài sản, tổ chức nhân sự, đất đai, hồ sơ kiểm kê của Hội đồng kiểm kê liên ngành ngày 20/3/2017.

Tuy nhiên, trên thực tế, khu đền chính do Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thanh Hóa quản lý trực tiếp, còn lại các di tích liên quan như đình làng Phú Điền, miếu Đệ Tứ, khu lăng mộ Bà Triệu, mộ ba ông tướng họ Lý, miếu Bàn thờ vẫn thuộc quản lý của UBND xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc. Về cơ cấu tổ chức của Tổ Quản lý trực tiếp tại Khu di tích Bà Triệu hiện nay có tổng số 12 cán bộ, nhân viên, trong đó có 50% cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng; phần còn lại đều chưa được đào tạo chuyên ngành hoặc chỉ mới được đào tạo sơ cấp, trung cấp. Số cán bộ có trình độ đại học tập trung chủ yếu vào khối cán bộ quản lý, làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Tổ Quản lý di tích với số lượng nhân sự như vậy được phân công nhiệm vụ cụ thể, gồm Tổ trưởng, 04 người thuộc bộ phận Hành chính, 04 người thuộc bộ phận Tuyên truyền, 01 Thủ từ và 02 bảo vệ (Sơ đồ 1.1)

Sơ đồ 1.1: Cơ cấu tổ chức của Tổ Quản lý di tích Bà Triệu



[Nguồn: Tác giả]

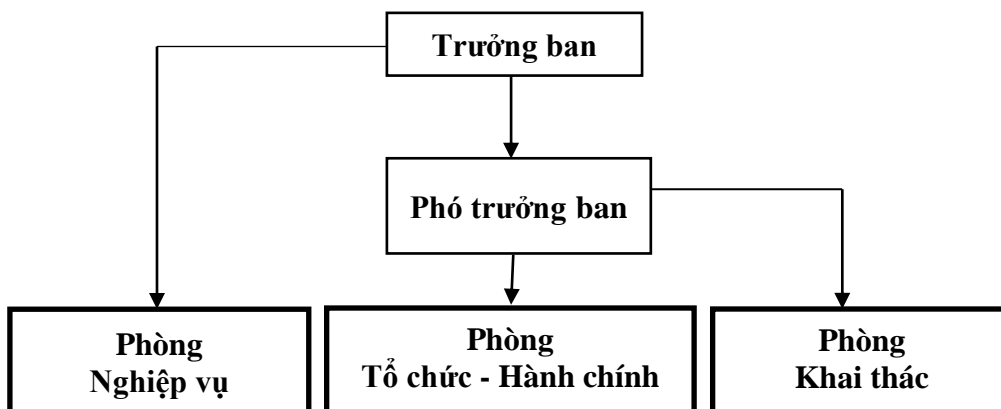
Hiện nay, tại các di tích do UBND xã Triệu Lộc quản lý, đình làng được sử dụng trong các sinh hoạt chung của cộng đồng. Ở đây, dân làng phân công có người giữ chìa khóa, quét dọn và hương khói tại đình làng cũng như tại các di tích miếu Đệ Tứ, khu lăng mộ Bà Triệu, mộ ba ông tướng họ Lý, Miếu Bàn thờ. Tại các di tích này, chưa có biên chế chuyên trách, không có thuyết minh viên, vì vậy, khi du khách có nhu cầu tham quan, tìm hiểu các di tích việc kết nối còn gặp nhiều khó khăn, chưa nhanh chóng và thuận tiện.

Đối với Di tích Lam Kinh, kể từ khi được xếp hạng di tích quốc gia năm 1962 đến năm

2009 đã nhiều lần thay đổi đơn vị quản lý trực tiếp. Từ năm 1962 đến năm 1983, do Phòng Bảo tàng thuộc Ty Văn hóa - Thông tin tỉnh Thanh Hóa trực tiếp quản lý; giai đoạn 1983 - 1994 do Bảo tàng tỉnh quản lý; năm 1994, do Ban Quản lý công trình xây dựng và Bảo vệ khu di tích lịch sử Lam Kinh, trực thuộc Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Thanh Hóa trực tiếp quản lý (sau đó, Ban được đổi tên thành Ban Quản lý di tích lịch sử Lam Kinh); đến năm 2001, Ban Quản lý di tích lịch sử Lam Kinh được nâng cấp, trực thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa, tuy nhiên, chỉ hai năm sau (năm 2003), Ban Quản lý di tích lịch sử Lam Kinh lại giải thể và thay bằng Ban Quản lý di tích và Danh thắng Thanh Hóa, trực thuộc Sở Văn hóa và Thông tin tỉnh Thanh Hóa. Năm 2009, Ban Quản lý khu di tích lịch sử Lam Kinh được tái lập như tên gọi và chức năng của năm 2001 nhưng quyền hạn bị thu hẹp do không còn trực thuộc UBND tỉnh, mà trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thanh Hóa. Mặc dù trải qua nhiều lần tách, nhập và đổi tên, song chức năng của Ban Quản lý khu di tích Lam Kinh cũng không có gì thay đổi. Ngày 20/10/2009, UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 3728/QĐ - UBND về việc thành lập Ban Quản lý di tích lịch sử Lam Kinh, đồng thời giao nhiệm vụ, quyền hạn như sau: Quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể liên quan đến triều đại Hậu Lê tại khu di tích Lam Kinh; tổ chức quản lý bảo vệ rừng và phục hồi rừng trong khu di tích Lam Kinh; xây dựng phương án quản lý, bảo vệ an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường khu di tích; tổ chức tuyên truyền, quảng bá và khai thác dịch vụ phục vụ khách du lịch, quản lý, sử dụng các nguồn thu đảm bảo đúng quy định của pháp luật; kêu gọi các nguồn vốn đầu tư xây dựng và tu bổ, tôn tạo, phục hồi, nhằm phát triển khu di tích lịch sử Lam Kinh trở thành trung tâm văn hóa, du lịch lớn của tỉnh, xứng đáng với vị thế của di tích trọng điểm quốc gia.

Hiện nay, tổng số cán bộ viên chức lao động của Ban Quản lý di tích lịch sử Lam Kinh là 41 người, gồm: 01 Trưởng ban, 01 Phó trưởng ban và 39 nhân viên, trong đó biên chế và quỹ lương hợp đồng có quỹ lương hưởng từ ngân sách nhà nước cấp là 12 người còn lại là hợp đồng do cơ quan tự cân đối ngân sách và nguồn thu chi để trả lương và các khoản chế độ (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, ngoài giờ, lễ tết...). Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ công chức - người lao động của Ban Quản lý di tích lịch sử Lam Kinh gồm có: 01 thạc sĩ, 21 cử nhân đại học, 02 cao đẳng, 03 trung cấp, còn lại là lao động phổ thông. Đây là lực lượng nòng cốt trong các hoạt động chuyên môn của Ban. Với nguồn nhân lực nêu trên, cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý di tích lịch sử Lam Kinh được phân bổ theo Sơ đồ 1.2

Sơ đồ 1.2: Cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý di tích lịch sử Lam Kinh



(*Nguồn: Tác giả*)

Như vậy, về mô hình quản lý các khu di tích quốc gia đặc biệt ở Thanh Hóa nói riêng và nước ta nói chung về cơ bản chưa có sự thống nhất. Việc phân cấp quản lý và tên gọi các đơn vị quản lý không đồng nhất, có nơi gọi là Trung tâm Quản lý, Trung tâm Bảo tồn, có nơi gọi là Ban Quản lý, có đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện, có đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch... Việc thiếu sự đồng nhất như nêu trên sẽ gây khó khăn cho việc ban hành những cơ chế, chính sách quản lý chung đồng thời cũng là một trong những nguyên nhân gây nên những hạn chế của công tác quản lý các di tích quốc gia đặc biệt trên toàn quốc trong bối cảnh hiện nay. Bên cạnh đó, việc quản lý di tích còn chịu sự giám sát/tham gia của cộng đồng.

4.3. Thực trạng quản lý các di tích quốc gia đặc biệt

Để quản lý di sản văn hóa, Việt Nam đã ban hành Luật Di sản văn hóa (2001) và điều chỉnh, bổ sung (2009), trong đó có chương V về “Quản lý Nhà nước về di sản văn hóa”. Trong đó, mục 1 điều 54 đã nêu rõ: Nội dung quản lý nhà nước về di sản văn hoá bao gồm: (1) Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá; (2) Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hoá; (3) Tổ chức, chỉ đạo các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về di sản văn hoá; (4) Tổ chức, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên môn về di sản văn hoá; (5) Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực để bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá; (6) Tổ chức, chỉ đạo khen thưởng trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá; (7) Tổ chức và quản lý hợp tác quốc tế về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá; (8) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về di sản văn hoá. Các di tích quốc gia đặc biệt là một bộ phận trong di sản văn hoá nên nội dung quản lý Nhà nước tại các di tích quốc gia đặc biệt ở Thanh Hóa hiện nay được xem xét, đánh giá trên 8 bình diện trên.

Quản lý văn hóa trước hết phải hiểu quản lý nói chung về văn hóa và quản lý nhà nước về văn hóa. Quản lý nhà nước được thực hiện bởi tất cả các cơ quan công quyền của nhà nước, là hoạt động chấp hành và điều hành có tính tổ chức chặt chẽ, được thực hiện trên cơ sở pháp luật, được bảo đảm thực hiện bởi các cơ quan hành chính nhà nước. Quản lý văn hóa được xác định rộng hơn, bao trùm quản lý nhà nước về văn hóa với sự tham gia của toàn thể xã hội, các bên liên quan, cộng đồng cá nhân. Ở tầm vĩ mô, quản lý văn hóa là việc ban hành các văn bản luật, văn bản dưới luật, thể chế hóa việc quản lý bằng các chiến lược, dự án, kế hoạch, quy định, quyết định, quy chế liên quan đến hoạt động văn hóa. Muốn vậy, nhà nước thiết lập nên một bộ máy làm nhiệm vụ quản lý, sắp xếp nhân lực, tổ chức thực hiện từ trung ương đến địa phương, cụ thể từ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, một số bộ, ngành liên quan đến các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, phòng Văn hóa Thông tin, Trung tâm Văn hóa Thông tin và các cán bộ phụ trách văn hóa tại địa bàn. Để làm rõ hơn về vấn đề này thì hai tác giả Bùi Hoài Sơn và Phan Hồng Giang [4] cho rằng: Quản lý văn hóa là sự tác động chủ quan bằng nhiều hình thức, phương pháp của chủ thể quản lý (các cơ quan

Đảng, Nhà nước, đoàn thể, các cơ cấu dân sự, các cá nhân được trao quyền và trách nhiệm quản lý) đối với khách thể quản lý nhằm đạt được mục tiêu quản lý mong muốn.

Quản lý DSVH nói chung, quản lý di tích nói riêng là vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm tìm hiểu. Do vậy, đã có không ít các bài viết, công trình nghiên cứu trên cả hai phương diện lý luận cũng như các hoạt động thực tiễn tại các địa phương cụ thể. Các tác giả cũng đưa ra kinh nghiệm quản lý DSVH của một số nước trên thế giới để tham khảo, áp dụng vào thực tiễn quản lý ở Việt Nam trên cơ sở so sánh một số điểm tương đồng. Các công trình cũng đã tổng kết từ thực tiễn quản lý những nguy cơ đe dọa đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản, phân tích nguyên nhân, đưa ra dự báo các khuynh hướng phát triển và đề ra những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý di sản văn hóa trong thời gian tới. Các nghiên cứu đó là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích trong quá trình nghiên cứu vấn đề này về cách thức tiếp cận cũng như cái nhìn vừa có tính tổng thể, vừa có tính đối sánh khi nghiên cứu thực tế tại một số di tích quốc gia đặc biệt ở Thanh Hóa.

Trong một số công trình nghiên cứu, vai trò của Nhà nước và cộng đồng trong quản lý DSVH đã được đề cập và đã chỉ ra rằng: Để thực hiện vai trò của Nhà nước trong quản lý DSVH cần phải thiết lập cơ chế, chính sách quản lý đúng đắn trong cả nước và có một hệ thống tổ chức thích hợp, đủ khả năng hiện thực hóa các chủ trương, chính sách đó cũng như cần tổ chức để các hoạt động quản lý thực sự trở thành sự nghiệp của toàn dân. Khi bàn về vai trò của cộng đồng trong bảo tồn và phát huy giá trị DSVH, hầu hết các nhà nghiên cứu đều thống nhất nhìn nhận vai trò quan trọng của cộng đồng trong lịch sử bảo tồn và phát huy giá trị DSVH, vì cộng đồng là chủ nhân sáng tạo, gìn giữ và trao truyền các giá trị DSVH trong suốt chiều dài lịch sử của dân tộc.

Tuy nhiên, có thể nhận thấy rằng, số lượng các công trình tiếp cận nghiên cứu từ vai trò của cộng đồng trong quản lý DSVH vẫn còn khá khiêm tốn so với các hoạt động đang diễn ra thường ngày. Điều này xuất phát từ thực tế nghiên cứu về mối quan hệ giữa các bên liên quan trong quản lý văn hóa vẫn còn được coi là một vấn đề tương đối mới mẻ và bên cạnh đó, cũng có những nội dung nghiên cứu thực chất là có đề cập đến mối quan hệ giữa các bên liên quan, song, vì công trình đề cập đến nhiều vấn đề liên quan khác nên tên của công trình đó không thể đề cập chi tiết về vấn đề này. Đối với vùng đất xứ Thanh, còn ít công trình nghiên cứu sâu về di tích quốc gia đặc biệt cũng như việc quản lý các di tích này. Đa phần các nghiên cứu về các khu di tích chỉ mang tính giới thiệu tổng quát về nguồn gốc, hiện trạng của khu di tích dưới góc độ lịch sử, khảo cổ học hoặc một số nghiên cứu chuyên sâu hơn sử dụng các phương pháp khảo sát, điền dã, miêu tả và phân tích để làm sáng tỏ được giá trị kiến trúc, di vật, cổ vật, không gian văn hóa, hay các lễ hội. Nội dung nghiên cứu về quản lý các khu di tích này chưa được quan tâm đúng mức, hoặc chủ yếu chỉ dừng lại ở những bài viết nhỏ lẻ, hoặc được khai thác dưới góc độ phát triển du lịch DSVH mà chưa được thể hiện ở những công trình nghiên cứu mang tính chuyên sâu. Có thể cho rằng, hiện chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống, cụ thể, chuyên sâu về mối quan hệ giữa các bên liên quan trong quá trình quản lý các di tích nói chung và các di tích quốc gia đặc biệt nói riêng. Thông qua việc tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan cho thấy, nhìn chung các công trình đã công bố đều

là những tài liệu quý giá, có giá trị tham khảo để tiếp thu hoặc kế thừa có chọn lọc thành tựu nghiên cứu của những người đi trước. Trên tinh thần đó, mục tiêu của các nhà nghiên cứu cần tập trung làm rõ về hiện trạng tham gia quản lý, vai trò của các bên liên quan trong các hoạt động quản lý di tích quốc gia đặc biệt tại Thanh Hóa hiện nay.

5. Thảo luận

Các di tích quốc gia đặc biệt tại Thanh Hoá hiện nay đang thuộc quản lý trực tiếp của các đơn vị khác nhau. Do vậy, trách nhiệm quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích thuộc khu di tích là trách nhiệm chung của các cấp ngành và các chủ sở hữu di tích. Tuy nhiên, để tạo được sự thống nhất một cách tuyệt đối trong công tác quản lý di tích thì việc nhất thể hóa vai trò của cơ quan quản lý di tích là quan điểm nhất quán phải thực hiện trong quá trình quản lý di tích. Đối với các di tích quốc gia đặc biệt, Nhà nước phải giữ vai trò chủ đạo trong công tác quản lý di tích, trong đó Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh là đơn vị chủ quản thực hiện công tác quản lý di tích thông qua Ban Quản lý, Trung tâm Bảo tồn di sản. Đây cũng là quan điểm thực hiện theo Luật Di sản văn hóa: “Mọi DSVH ở trong lòng đất thuộc đất liền, hải đảo, ở vùng nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều thuộc sở hữu nhà nước”. Nhà nước sẽ giữ vai trò chủ đạo trong công tác quản lý di tích, vai trò của nhà nước sẽ được thể hiện trực tiếp trong công tác quản lý di tích, đầu tư và kêu gọi đầu tư cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích, định hướng cho cộng đồng và cùng cộng đồng tham gia vào quá trình quản lý di tích... trên cơ sở đó đảm bảo hài hòa lợi ích nhà nước với tư nhân, giữa di tích và cộng đồng góp phần thực hiện thuận lợi công tác bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích. Do vậy, rất cần thiết thống nhất một đầu mối quản lý các di tích quốc gia đặc biệt tại Thanh Hoá. Điều này cũng phù hợp với Công văn số 2946/BVHTTDL-DSVH của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi các cơ quan quản lý nhà nước và Ủy ban Nhân dân các tỉnh/thành phố trên cả nước, yêu cầu kiện toàn bộ máy Ban Quản lý di tích. Theo đó, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch yêu cầu các Ban Quản lý di tích trực thuộc các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm quản lý những di tích quan trọng và hướng dẫn nghiệp vụ về các hoạt động tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị di tích.

Quan điểm này tương thích với nguyên tắc chỉ đạo trong quản lý các khu di tích quốc gia đặc biệt tại Thanh Hoá là tăng cường hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước trong quản lý di tích quốc gia đặc biệt, kết hợp hài hòa quản lý nhà nước và quản lý cộng đồng để đạt được hiệu quả tối ưu, toàn diện nhất trong quản lý các di tích.

6. Kết luận

Nghiên cứu hoạt động quản lý văn hóa đối với di tích quốc gia đặc biệt tại Thanh Hóa là đánh giá thực trạng và mối quan hệ giữa các bên liên quan trong quản lý các khu di tích quốc gia đặc biệt ở thời điểm hiện tại; phân tích rõ thực trạng về công tác quản lý văn hóa tại đây; đánh giá những mặt tích cực, hạn chế của công tác quản lý di sản, chỉ ra những khó khăn, bất cập và nguyên nhân. Qua đó hình thành những luận điểm khoa học để xây dựng mô hình quản lý phù hợp với thực tiễn tại khu di tích, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý văn hóa. Trên cơ sở đó đưa ra giải pháp, kế hoạch hành động nâng cao chất lượng công tác quản lý khu di tích quốc gia đặc biệt ở Thanh Hóa.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Ban Quản lý Di tích và Danh thắng Thanh Hóa (2003), *Di tích và danh thắng Thanh Hóa*, từ tập 1 - 7, NXB Thanh Hóa.
- [2]. Bộ Văn hóa - Thông tin (2003), *Quy chế bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh*, ban hành kèm theo Quyết định số 05/2003/QĐ-BVHTT ngày 06/02/2003 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.
- [3]. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2011), *Văn bản chỉ đạo và quản lý của Đảng, Nhà nước về lễ hội*.
- [4]. Phan Hồng Giang, Bùi Hoài Sơn (đồng chủ biên) (2012), *Quản lý văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [5]. Cao Đức Hải, Nguyễn Khánh Ngọc (2014), *Quản lý lễ hội và sự kiện*, NXB Lao động, Hà Nội.
- [6]. Nguyễn Văn Hào, Lê Thị Vinh (2003), *Di sản văn hóa xứ Thanh*, NXB Thanh Niên.
- [7]. Trần Thị Liên (2010), *Xứ Thanh những sắc màu văn hóa*, NXB Thanh Hóa.
- [8]. Ưông Chu Lưu (2005), *Một số vấn đề lý luận về phân cấp quản lý nhà nước*, Tạp chí *Dân chủ pháp luật*, Số chuyên đề 60 năm ngành Tư pháp.
- [9]. Lê Văn Tạo (2008), *Một số đặc trưng của nghệ thuật chạm khắc đá truyền thống ở Thanh Hóa*, NXB Thanh Hoá.
- [10]. Lê Văn Tạo (2011), *Di sản văn hóa, nguồn lực đặc biệt cho phát triển du lịch Thanh Hóa*, NXB Thế giới.
- [11]. Nguyễn Thị Phương Thảo (2016), *Quản lý Nhà nước đối với các di tích quốc gia đặc biệt*, Tạp chí *Đương đại*, số 388 tháng 10/2016.
- [12]. Lưu Trần Tiêu (2011), “Một số vấn đề về hoạt động tu bổ, phục hồi di tích lịch sử văn hóa”, Tạp chí *Di sản văn hóa*, số 3, tr.3 - 7.
- [13]. Trung tâm Bảo tồn di sản Văn hóa (2015), *Di sản văn hóa xứ Thanh trên đường hội nhập và phát triển*, NXB Thanh Hóa.
- [14]. Trường Cao đẳng Văn hoá - Nghệ thuật Thanh Hoá (2006), Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh “*Nghiên cứu Di sản văn hoá truyền thống Thanh Hóa loại hình kiến trúc và điêu khắc*”, Thanh Hoá.
- [15]. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa (2008), *Thanh Hóa trên con đường hội nhập*, NXB Lao động.
- [16]. Hoàng Vinh (2006), *Những vấn đề văn hóa trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay*, NXB Văn hóa - Thông tin, Viện Văn hóa, Hà Nội.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

Nguyễn Thị Thanh Nga

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Email: nguyenthithanhnga@dvttdt.edu.vn

Ngày nhận bài: 06/01/2022

Ngày phản biện: 20/9/2022

Ngày tác giả sửa: 13/10/2022

Ngày duyệt đăng: 25/10/2022

Ngày phát hành: 30/10/2022

Di tích quốc gia đặc biệt là nguồn tài sản vô giá của mỗi của quốc gia. Bởi nó không đơn thuần là nét đẹp văn hóa mà còn được xem như yếu tố quan trọng thúc đẩy quá trình phát triển bền vững mỗi địa phương. Thanh Hóa hiện là tỉnh vinh dự được quản lý nhiều di tích quốc gia đặc biệt. Những năm qua, công tác quản lý di sản văn hóa nói chung, di tích quốc gia đặc biệt nói riêng luôn được các cấp, các ngành quan tâm, tạo điểm nhấn và hiệu ứng tích cực trong đời sống xã hội, góp phần bảo tồn, phát huy giá trị di tích, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ các giá trị văn hóa, tín ngưỡng của nhân dân. Bên cạnh tính hiệu quả trong quản lý vẫn có những thách thức, khó khăn khi di tích đang đứng trước quá trình công nghiệp hóa, hội nhập mạnh mẽ. Cần phải tiếp tục nâng cao vai trò quản lý nhà nước trong bảo vệ di tích vừa là nhiệm vụ quan trọng, vừa là trách nhiệm trước di sản văn hóa dân tộc.

Từ khóa: Di tích quốc gia đặc biệt; Quản lý di tích; Thanh Hóa